TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Bà Đào Thị Giang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Bích Th, sinh năm: 1980.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1975.
Cùng địa chỉ: Số 327, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, chị Đào Thị Bích Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1999. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Tr không có trách nhiệm với với gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, năm 2022 chị có nộp đơn ly hôn, sau đó chị rút đơn để hòa giải vợ chồng, nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, hòa giải, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn

với anh Tr.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Đào Thiên A, sinh ngày 20/11/1999, Nguyễn Quang S, sinh ngày 13/8/2007, Nguyễn Phương Thảo Q, sinh ngày 01/01/2009. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu S, cháu Q và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng, đối với cháu A đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/4/2023, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Th là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị Th được ly hôn với anh Tr. Về con chung: Giao cháu Q, cháu S cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Th phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đào Thị Bích Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1975, địa chỉ: Số 327, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Th nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh Tr tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 27/4/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Tr, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc, năm 2022 chị đã nộp đơn ly hôn và rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh Tr để làm việc nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Tr là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Đào Thiên A, sinh ngày 20/11/1999, Nguyễn Quang S, sinh ngày 13/8/2007, Nguyễn Phương Thảo Q, sinh ngày 01/01/2009. Trường hợp ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi cháu S, cháu Q và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng, đối với cháu A đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời cháu S, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị Th có công việc ổn định, anh Tr không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về con chung. Do đó, giao hai cháu S, Q cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu A đã trưởng thành, có khả năng lao động và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Bích Th về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Văn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Bích Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang S, sinh ngày 13/8/2007, Nguyễn Phương Thảo Q, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Đào Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Tr được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Bích Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002627 ngày 17/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Đào Thị Bích Th đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đào Thị Bích Th và anh Nguyễn Văn Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã X, huyện X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương